

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **14** tháng **3** năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản số 545/STNMT-GPMT ngày 16/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 09/CV-MT ngày 06/03/2024 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ du lịch Sông Hiền CNF;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 875/TTr-STNMT ngày 13/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ du lịch Sông Hiền CNF, địa chỉ tại thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: thuộc địa bàn 02 xã Hiền Thành và Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200603138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/12/2022.

1.4. Mã số thuế: 3200603138.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: Tổng diện tích quy hoạch của dự án là: 137,3 ha, trong đó:

+ Diện tích rừng đặc dụng là 101,1ha, phần diện tích này sẽ không tiến hành xây dựng các công trình mà Chủ dự án chỉ thuê môi trường rừng nhằm mục đích phục vụ du lịch sinh thái dưới tán rừng.

+ Trong 36,2 ha đất còn lại gồm có: đất thương mại dịch vụ: 18,9791 ha, đất trồng cây lâu năm: 14,1301 ha và đất giao thông 3,1236 ha.

- Quy mô: Quy mô xây dựng các công trình kiến trúc như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Diện tích 1 căn (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn (m ²)	Tổng diện tích (m ²)
1	Bungalow ven suối	Căn	30	51	01	1.530	10.195
2	Bungalow trong lòng đất	Căn	06	79	01	474	4.604
3	Khu làng trải nghiệm nông nghiệp sinh thái	Căn	39	84	01	3.276	54.871
4	Nhà nghỉ dưỡng ven đồi	Căn	01	134	01	134	5.829
5	Biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp	Căn	01	139	01	139	7.375
6	Nhà hàng ẩm thực địa phương	Căn	01	800	01	800	3.406
7	Nhà hàng ẩm thực bên hồ	Căn	01	900	01	900	7.576
8	Chòi dịch vụ ẩm thực bên hồ	Căn	09	25	01	225	
9	Nhà hàng tre	Căn	01	170	01	170	3.387
10	Nhà điều hành	Căn	01	400	02	800	1.080
11	Khu hạ tầng kỹ thuật	m ²					1.385
12	Đất mặt nước	m ²					8.233
13	Giao thông						31.236
14	Khu cắm trại	m ²					21.133
15	Cây xanh cảnh quan	m ²					60.717
16	Khu cây xanh - sản xuất nông nghiệp	m ²					141.301
	Tổng cộng	m ²					362.328

- Công suất của Dự án: Dự án phục vụ lưu trú tối đa 310 khách/ngày và 690 khách vắng lai tham quan du lịch ăn uống nghỉ dưỡng/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ du lịch Sông Hiền CNF có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ rừng đặc dụng, thuê dịch vụ môi trường rừng đối với Khu bảo vệ cảnh quan rừng đặc dụng Rú Lịnh theo đúng quy định.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 14 tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật./zh

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TMDV DL Sông Hiền CNF;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, Xây dựng, VHTT&DL;
- UBND huyện Vĩnh Linh;
- UBND các xã: Hiền Thành, Vĩnh Hòa;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Th). *HC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Dự án: Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **19** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động khách du lịch đề nghị cấp phép:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 30 căn Bungalow ven suối.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 06 căn Bungalow trong lòng đất.
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 39 căn Khu làng trải nghiệm nông nghiệp sinh thái.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà nghỉ dưỡng ven đồi.
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp.
- Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà hàng ẩm thực địa phương.
- Nguồn số 7: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà hàng ẩm thực bên hồ.
- Nguồn số 8: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 09 Chòi dịch vụ ẩm thực bên hồ.
- Nguồn số 9: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà hàng tre.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà điều hành.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Các nguồn thải số 01-10 được thu gom, qua hệ thống xử lý nước thải tập trung và xả thải thành 01 dòng thải: Nguồn tiếp nhận nước thải là khe suối Rú Lịnh và chảy vào hồ Thủy lợi Rú Lịnh tại xã Vĩnh Hòa, Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh.

2.2. Vị trí xả thải

- Tại 01 vị trí nằm gần Khu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, sát ranh giới Tây Nam của Khu Du lịch Rú Lịnh thuộc địa phận xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 1.885.754m; Y: 586.103m

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 140 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải công suất 140 m³/ngày đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

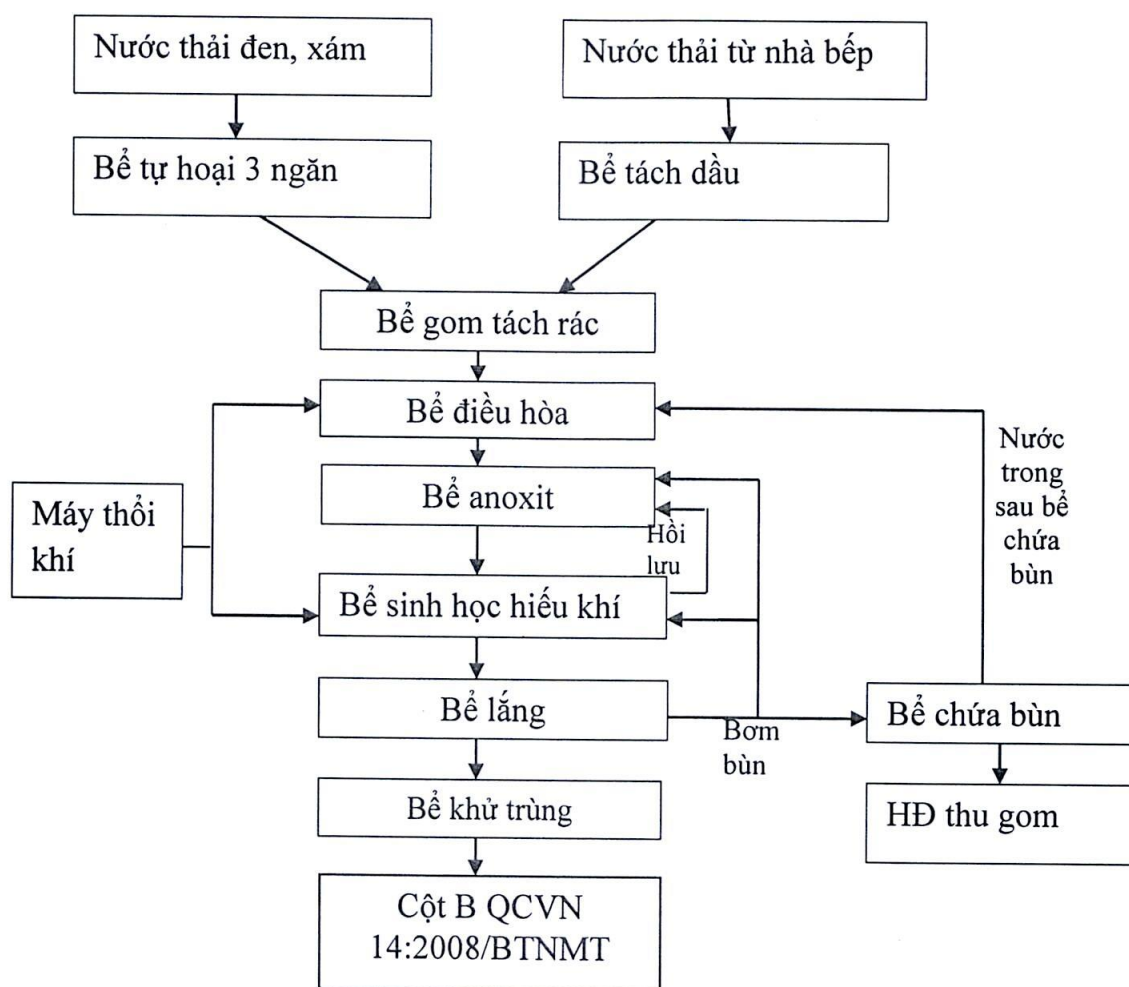
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt ở 30 căn Bungalow ven suối, 6 căn Bungalow trong lòng đất, 39 căn Khu làng trải nghiệm nông nghiệp sinh thái (nguồn số 1, 2, 3): được thu gom bằng đường ống riêng dẫn về xử lý tại các bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 3,6 m³/bể; sau đó dẫn về hố thu gom nằm khu vực phía Đông sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt ở 01 nhà nghỉ dưỡng ven đồi, 01 biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp, 01 nhà hàng ẩm thực bên hồ, 09 chòi dịch vụ ven hồ, 01 nhà hàng tre, 01 nhà điều hành (nguồn số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10): được thu gom bằng đường ống riêng dẫn về xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 9 m³/bể; Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn ở nhà bếp, nhà hàng được xử lý sơ bộ qua các bể lọc rác, tách dầu mỡ kết hợp lắng cặn thể tích 72 lít/bể, sau đó cùng với nước thải sinh hoạt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Chủ dự án xây dựng 1 HTXLNT tập trung công suất 140 m³/ngày đêm:



- Kích thước các cụm bể trong trạm xử lý:

STT	Công trình	Thông số kỹ thuật	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu nước
1	Hồ thu gom	2,5 x 4 x 2 m	20 m ³	2,6 giờ
2	Bể điều hòa	4 x 4 x 3,5 m	56 m ³	8,2 giờ
3	Bể Anoxic	4 x 4 x 3,5 m	56 m ³	8,2 giờ
4	Bể MBBR	6 x 4 x 3,5 m	84 m ³	12,3 giờ
5	Bể lắng	4 x 4 x 3,5 m	56 m ³	8,2 giờ
6	Bể chứa bùn	2 x 1,875 x 3,5 m	13 m ³	-
7	Bể khử trùng	2 x 1,875 x 3,5 m	13 m ³	1,9 giờ

- Nước thải sau khi về hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được xử lý đạt quy chuẩn 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1) trước khi thải ra khe suối và chảy vào hồ Rú Lịnh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2

Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động liên tục và giảm thiểu rủi ro sự cố, mỗi thiết bị được bố trí 02 bộ hoạt động song song. Ngoài ra trong quá trình vận hành, cần chú ý những điểm sau để phòng ngừa giảm thiểu sự cố:

- Để hệ thống xử lý nước thải đạt hiệu quả như mục tiêu Dự án đưa ra, cần thiết phải lựa chọn nhân viên vận hành có năng lực, có chuyên môn để nắm bắt, vận hành theo đúng yêu cầu thiết kế đưa ra đồng thời thường xuyên giám sát để điều chỉnh các yếu tố như DO, pH, chất hữu cơ... tạo điều kiện cho quá trình vi sinh đạt hiệu quả xử lý tốt nhất.

- HTXL phải được vận hành thường xuyên và đảm bảo theo đúng quy trình.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để tránh hiện tượng tắc nghẽn, vận hành theo đúng quy trình. Đặc biệt khi gặp sự cố sẽ báo cáo với các đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu thiết kế và phải được cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường chứng nhận, chạy thử hệ thống trước khi nghiệm thu bàn giao.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo, chuyển giao nhân lực cho công nhân vận hành hệ thống XLNT.

- Khi xảy ra sự cố nứt, vỡ sẽ dẫn nước thải về bể sự cố để kịp thời xử lý bằng các biện pháp như sử dụng vật liệu Facom (phụ gia chống thấm ngược) hoặc vật liệu Sika...

- Bên cạnh việc định kỳ quan trắc chất lượng nước thải thì cán bộ phụ trách thường xuyên giám sát, kịp thời phát hiện sự cố đối với hệ thống xử lý để xử lý kịp thời nhằm hạn chế tới mức tối đa nước thải chưa xử lý ra môi trường để hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Với mỗi loại bơm nước thải, máy khuấy sẽ dự phòng một bơm sự cố để trong trường hợp bơm bị hỏng thì sẽ nhanh chóng thay thế, sau đó sửa chữa kịp thời bơm bị hỏng để làm bơm dự phòng (trường hợp bơm không thể sửa chữa được thì thay thế bằng bơm mới để dự phòng).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Dự kiến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp (có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm).

2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Số lượng quan trắc: 02 vị trí.
- Vị trí quan trắc:
 - + Vị trí lấy mẫu đầu vào: Nước thải tại bể gom tách rác.
 - + Vị trí lấy mẫu đầu ra: Nước thải tại hố ga sau bể khử trùng.
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni, Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ, Phosphat, Coliform.
- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu: Giai đoạn ổn định (03 ngày liên tục): 03 mẫu đầu vào và 3 mẫu đầu ra hệ thống xử lý nước thải.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI****Dự án: Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **19** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do không có công trình, thiết bị xử lý khí thải).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải****1.1. Khống chế ô nhiễm tiếng ồn, khí thải do phương tiện giao thông**

- Quy hoạch bãi đỗ xe của du khách tại khu vực hợp lý, xung quanh có dải cây xanh phân cách.
- Dự án cũng đề ra những nội quy ra vào và bố trí nhân viên hướng dẫn khách dẫn dắt xe ra vào hợp lý, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực này, trồng cây xanh vừa tạo cảnh quan vừa góp phần chắn bụi.
- Đối với các loại xe chuyên dụng vận chuyển hàng hóa phục vụ cho hoạt động của dự án, xe vận chuyển thu gom rác thải, bùn thải: Bố trí lối đi riêng bằng công phụ để không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Dự án.
- Thường xuyên phun nước trên đường dẫn nối dài vào đến cổng chính và bãi đậu đỗ xe của khu du lịch vào mùa du lịch cao điểm và vào những ngày hanh nắng để hạn chế phát tán bụi vào không khí.
- Đối với các phương tiện vận tải do Chủ dự án chủ động hoặc hợp đồng phải được kiểm định định kỳ, trong đó có kiểm định chất lượng khí thải đảm bảo quy chuẩn trước khi hợp đồng, lưu thông.

1.2. Các loại khí bốc mùi từ các thùng chứa rác, khu vệ sinh, cống rãnh... sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Thực hiện quy trình thu gom rác thải hợp lý và thường xuyên trong từng ngày.
- Thiết kế và xây dựng hệ thống thoát nước hợp lý, khoa học, đảm bảo thu và thoát hết nước trên toàn bộ diện tích khuôn viên Dự án, đặc biệt là các khu vực phát sinh nước thải. Cao độ của hệ thống thoát nước được thiết kế phù hợp với địa hình, không làm ứ đọng cục bộ gây bốc mùi.
- Trồng cây trong khu vực Dự án.

1.3. Khống chế ô nhiễm không khí và tiếng ồn, rung của máy phát điện dự phòng

- Chủ dự án sẽ bố trí vị trí đặt máy phát điện cách xa khu vực văn phòng, phòng nghỉ, khu vực ăn uống.

- Khu vực chứa dầu để vận hành cũng được xây dựng an toàn, đảm bảo không gây rơi vãi dầu ra xung quanh. Trên thực tế hoạt động của trạm phát điện sẽ không nhiều, nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường khu vực.

1.4. Khống chế ô nhiễm mùi từ bếp nấu ăn:

- Khu vực nhà ăn, nhà hàng được lắp đặt hệ thống quạt thông gió, máy điều hòa, máy hút mùi thức ăn tạo không gian thông thoáng.

- Đối với mùi tại khu vực nấu ăn lắp đặt các thiết bị hút xử lý mùi trước khi thải ra môi trường. Mùi phát sinh trong quá trình nấu thức ăn được thu vào chụp hút bởi một quạt hút, xử lý thông qua lớp than hoạt tính trong máng hút trước khi thải ra môi trường. Hiệu quả xử lý đảm bảo làm thông thoáng >90% không gian bếp. Hầu hết các loại máy hút mùi hoạt động dựa trên nguyên tắc của quạt thông gió, kết hợp với các màng lọc. Máy thường bao gồm các bộ phận cơ bản như lớp vỏ bên ngoài, hệ thống dẫn hơi, lưới lọc, quạt hút, đèn chiếu sáng, đèn báo hiệu mức độ bám bẩn và nút điều chỉnh các tốc độ hút. Các loại khí độc hại và mùi khó chịu sẽ được hút lên bằng quạt và chuyển ra ngoài, còn bụi bẩn và các hạt dầu mỡ sẽ bám lại lớp màng lọc - có thể dễ dàng tháo ra để vệ sinh và thay mới.

- Đầu tư các thiết bị làm lạnh, điều hòa thân thiện với môi trường không sử dụng các chất CFC, CHFC.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ du lịch Sông Hiền CNF có trách nhiệm giám sát chặt chẽ toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ khu du lịch và kịp thời có các biện pháp xử lý phù hợp để bảo đảm không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Dự án: Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **19** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, hoạt động của khách du lịch, tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và không thường xuyên. Do đó, Dự án không thuộc đối tượng cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ xe máy, ô tô con, xe vận chuyển khách ra vào khu vực Dự án: Chủ dự án đưa ra quy định là yêu cầu các phương tiện giao thông khi vào Dự án không được sử dụng còi hơi, rú ga tăng tốc nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các khả năng có thể gây ồn.

- Tiếng ồn phát sinh từ các nhà hàng, khu vui chơi giải trí, các đoàn du khách đi vào rừng tham quan... đây là một trong những nhu cầu thưởng thức của du khách nên mức ồn này nằm trong giới hạn chấp nhận được và ảnh hưởng của nó chỉ mang tính chất cục bộ.

- Trong phạm vi khu rừng đặc dụng Rú Lịnh, khi đưa khách vào tham quan, du lịch sinh thái, phải có giải pháp hạn chế tiếng ồn, ít ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, các loài động vật trong Khu cảnh quan.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Các hoạt động dịch vụ du lịch được tổ chức theo hướng du lịch sinh thái, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Dự án Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **19** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Thành phần:

+ Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải, các thiết bị linh kiện điện tử thải, bình xịt diệt côn trùng, hộp mực in tại khu vực văn phòng, khu khách sạn, nhà hàng...

+ Dầu nhớt, dung môi từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật.

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực Dự án ước tính 210 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	ĐVT	Mã CTNH	Số lượng kg/năm
1	Bóng đèn thải các loại	Rắn	Kg	16 01 06	20
2	Hộp mực in, mực thải	Rắn	Kg	08 02 04	40
3	Giẻ lau dính dầu	Rắn	Kg	18 02 01	25
4	Pin thải, ắc quy chì thải	Rắn	Kg	19 06 01	30
5	Thiết bị điện thải	Rắn	kg	16 01 13	35
6	Dầu thải	Lỏng	lít	15 01 07	60
Tổng cộng				210	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Thành phần: Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tập trung tối đa lượng khách tham quan và CBCNV của dự án. Trong đó, thành phần CTR phát sinh tại các khu Dự án gồm: bao bì, giấy các loại, túi nilon, lon đồ hộp, thủy tinh, vỏ lon, thức ăn dư thừa tại các khu vực nhà hàng...

- Khối lượng:

+ Tổng chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án là 561 kg/ngày.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải là 1,4 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng đựng CTNH chuyên dụng loại 200L để thu gom và lưu trữ; Thùng đựng có nắp đậy, dán nhãn và ghi rõ loại CTNH cần lưu trữ;

- Chất thải nguy hại được lưu giữ tại khu vực kho chứa CTNH, có mái che, tường bao quanh, sàn bê tông chống thấm và có biển cảnh báo bên ngoài kho.

- Khi phát sinh với số lượng đủ lớn, CTNH sẽ được Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Rác thải từ Dự án sẽ được phân loại từ nguồn theo từng khu vực. Mỗi phòng nghỉ của du khách hoặc các công trình khác sẽ đặt 03 thùng đựng rác nhỏ trong đó: 01 một thùng đựng rác thực phẩm, hữu cơ (thức ăn dư thừa, vỏ trái cây, bã trà, cà phê ...) và một thùng đựng các loại tái chế (hộp nhựa, lon nước, túi nylon...), 01 thùng đựng rác thải khác. Các loại thùng chứa chất thải này đều được dán nhãn để mọi người dễ dàng phân biệt. Các loại chất thải này sẽ được nhân viên thu dọn hàng ngày và mang ra nơi tập trung rác thải của khu nghỉ dưỡng. Hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Công trình đô thị huyện đưa đi xử lý.

- Lập các điểm thu rác bằng cách bố trí các thùng rác nhỏ, dung tích từ 0.2 - 0.4m³ có nắp đậy với bán kính từ 300 - 400 m/thùng cho khách tham quan và các điểm thu rác tại các khu vui chơi giải trí.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Rừng nguyên sinh đưa vào hoạt động sẽ tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ về cháy rừng. Do đó, phải áp dụng các phương pháp phòng cháy tuyệt đối hữu hiệu để bảo vệ Rừng. Công tác này được công ty đầu tư chú trọng đặc biệt và hàng đầu. Căn cứ theo yêu cầu của Nghị định 09/2006/NĐ-CP về Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Căn cứ vào sự tư vấn của các chuyên gia xây dựng và chuyên gia về phòng cháy chữa cháy rừng, về yêu cầu về phòng cháy đối với dự án trồng rừng, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo công trình phòng cháy và chữa cháy rừng của nghị định, chúng tôi sẽ xây dựng các công trình đảm bảo các yêu cầu tương ứng như sau:

- Xây dựng các loại đường băng cản lửa như đường băng trắng (bao gồm đường băng chính, đường băng phụ), đường băng xanh cản lửa phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng các loại đường băng. Việc xây dựng hệ thống đường băng sẽ ngăn chặn được nguồn lửa từ ngoài vào, hạn chế và làm suy yếu đám cháy rừng. Đảm bảo yêu cầu ngăn cháy, chống cháy lan giữa các ô.

- Xây dựng hệ thống quan sát, thông tin phát hiện và báo cháy rừng: xây dựng hệ thống báo cháy, hệ thống chòi canh (Chòi canh chính và chòi canh phụ) quan sát và phát hiện sớm cháy rừng theo quy định:

+ Cứ cách 500m quanh khu vành đai có 1 chòi canh quan sát trang bị thiết bị báo cháy và phu nước tự động khi cháy nhỏ. Song song với nó là hệ thống nước vừa phục vụ sinh hoạt vừa phục vụ dập cháy với áp lực lớn và lưu lượng đủ để dập

cháy khi có sự cố. Tất cả các dữ liệu báo cháy đều cập nhật về Trung tâm phòng cháy chữa cháy kiêm an ninh trật tự đặt tại nhà điều hành.

+ Các chòi dùmng chân đều có thiết bị báo cháy và phun nước tự động.

- Xây dựng phương án cung cấp nguồn nước, hệ thống cấp nước chữa cháy và các phương tiện chữa cháy, hệ thống phun nước tự động khi có cháy xảy ra.

- Hợp tác chặt chẽ với đơn vị phòng cháy chữa cháy trên địa bàn về việc tư vấn và trang bị cho tất cả nhân viên kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt ở trong rừng và ven rừng;

- Riêng vào mùa hè có gió Tây nam khô nóng, phải có lực lượng trực 24/24 giờ nhằm kịp thời phát hiện điểm lửa để ngăn chặn.

- Tuyên truyền giáo dục, phổ biến kiến thức phòng cháy và chữa cháy rừng đối với nhân viên và khách du lịch: Có quy định, nội quy, biển báo, biển cấm lửa được bố trí tại các vị trí quy định, phù hợp với đặc điểm và tính chất cháy của khu du lịch.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **19** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Yêu cầu Chủ dự án thực hiện hạng mục, công trình bảo vệ môi trường trong nội dung của giấy phép này để vận hành thử nghiệm trước khi đi vào vận hành chính thức.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Ký kết hồ sơ thuê dịch vụ môi trường rừng để tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1).

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.